



tōng xiàng

通向

verb · lead to; go towards

Example Sentences

Zhè tiáo lù tōng xiàng hǎi biān
这条路通 向 海边。

This road leads to the seaside.

Nǚ lì tōng xiàng chéng gōng
努力通 向 成 功。

Hard work leads to success.

Trace each character, then write the word on your own.

通	通	通	通	通	通	通	通	通	通	通
通	通									

向	向	向	向	向	向	向	向	向		
